TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

****

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Châu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tâm**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lân** -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn C**; Sinh năm: 1972
Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, Sinh năm: 1976.
Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau vào năm 1994 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2002. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu và chia sẻ được công việc của nhau, từ đó dẫn đến sức mẻ tình cảm. Mặc dù ông và bà H đã sống ly thân đến nay đã hơn 12 năm nhưng ông vẫn làm tròn trách nhiệm của một người cha, chăm lo đầy đủ chi phí sinh hoạt, học tập cho con cái. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà H để trả tự do cho nhau, ổn định tinh thần và cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà H có hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N (sinh ngày 11/10/1995, đã trưởng thành) và Nguyễn Duy T (sinh ngày 19/02/2004). Hiện nay trẻ T đang sống chung với bà H nên ông có nguyện vọng giao trẻ T cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) cho đến khi trẻ T trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định quá trình chung sống, ông và bà H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung như ông Nguyễn Văn C trình bày. Bà H cũng cho biết sau khi bà sinh trẻ Nguyễn Duy T thì bà và ông C sống ly thân cho đến nay vì vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống. Bà cũng biết rõ ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà không hề tìm đến để gây khó dễ. Trong gia đình bà hết lòng chăm lo cho con cái, bà chấp nhận sống ly thân với ông C để con cái có cha và vì không muốn ông C cưới người phụ nữ khác. Bà nhận thấy trong cuộc hôn nhân này bà không có lỗi gì nên bà không đồng ý ly hôn với ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H không đồng ý ly hôn với nguyên đơn ông Nguyễn Văn C mặc dù hai bên đã sống ly thân nhiều năm, đồng thời bị đơn cũng không đưa ra được các biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Duy T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau năm 1994, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2002. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông C yêu cầu ly hôn với bà H. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số: 1/02 ngày 15/11/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện hôn nhân giữa ông C và bà H là hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông C và bà H thừa nhận do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã sống ly thân nhiều năm. Hai bên không thấu hiểu và chia sẻ được công việc của nhau, không còn thương yêu nhau nữa.

Vì muốn con có cha và không muốn ông C cưới người phụ nữ khác nên bà H không đồng ý ly hôn.

Điều này thể hiện vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của ông C là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông C và bà H có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Quỳnh N (sinh ngày 11/10/1995) (Đã trưởng thành) và Nguyễn Duy T (sinh ngày 19/02/2004). Quá trình tố tụng, bà H vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì về con chung. Ông C có nguyện vọng giao trẻ Nguyễn Duy T cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ T cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con ông C có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) cho đến khi trẻ Tân trưởng thành.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H. Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số: 1/02 ngày 07/11/2012 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Duy T (sinh ngày 19/02/2004) cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) cho đến khi trẻ T trưởng thành.

Ông C có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) do ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số AA/2017/0031201 ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

Nguyễn Thị Ngọc Châu